

Số: 775/2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Thực hiện Thông báo số 91-TB/TU ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 305/BC-KTNS ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ bao gồm nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương được sử dụng theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ hỗ trợ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã để triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa (khuyến nông, hỗ trợ giống, máy móc thiết bị), sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Việc sử dụng kinh phí phải đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản pháp luật liên quan.

2. Phạm vi hỗ trợ

Vùng đất chuyên trồng lúa; vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa; bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa; các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ ngân sách cấp xã: hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa.

Diện tích đất chuyên trồng lúa được xác định theo số liệu thống kê đất đai của xã, phường do Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo của năm liền kề trước năm bố trí kinh phí hỗ trợ.

b) Tại ngân sách cấp tỉnh: bố trí phần kinh phí còn lại sau khi thực hiện bố trí kinh phí hỗ trợ ngân sách cấp xã.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã;

đ) Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

3. Căn cứ dự toán kinh phí được Hội đồng nhân dân các cấp phê duyệt hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo số liệu thống kê diện tích đất chuyên trồng lúa của các xã, phường trước ngày 15 tháng 8 hằng năm làm căn cứ hỗ trợ kinh phí.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (trước sắp xếp) quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nông nghiệp & Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{VA}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

